

Số: 746 /TTr-UBND

Thanh Trị, ngày 07 tháng 6 năm 2024

**TỜ TRÌNH**

**Về điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách  
huyện Thanh Trị năm 2024**

**Kính gửi: Hội đồng Nhân dân huyện Thanh Trị.**

Căn cứ vào Luật Ngân sách Nhà nước, ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Thực hiện theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 28 của Nghị định 163/2016/NĐ-CP, ngày 21 tháng 12 năm 2016 quy định thi hành một số điều của Luật ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 3139/QĐ-UBND, ngày 11 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 cho các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐND, ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng Nhân dân huyện Thanh Trị khoá XII kỳ họp lần thứ 13, về phân bổ dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách huyện Thanh Trị, năm 2024;

Quá trình điều hành ngân sách huyện Thanh Trị trong 6 tháng đầu năm 2024 có phát sinh một số khoản thu, chi ngân sách huyện thay đổi so với dự toán đã điều chỉnh 6 tháng đầu năm như: ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện (bổ sung ngoài dự toán đầu năm);

Căn cứ quy định và tình hình phát sinh nêu trên, Ủy ban Nhân dân huyện kính trình Hội đồng Nhân dân huyện xem xét, quyết định điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách huyện Thanh Trị năm 2024, cụ thể như sau:

**1. Điều chỉnh tăng dự toán thu ngân sách huyện năm 2024 số tiền: 154.652.927.027 đồng. Dự toán sau khi điều chỉnh: 636.682.927.027 đồng, trong đó:**

**1.1** Dự toán thu ngân sách trên địa bàn: 35.000.000.000 đồng, trong đó ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp: 32.350.000.000 đồng (theo dự toán đầu năm).

**1.2** Tăng dự toán thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 77.155.747.179 đồng. Dự toán thu sau khi điều chỉnh là: 526.835.747.179 đồng. Bao gồm:

- Dự toán thu bổ sung cân đối là: 419.900.000.000 đồng (theo dự toán đầu năm).

- Dự toán thu bổ sung có mục tiêu đầu năm là: 29.780.000.000 đồng (theo dự toán đầu năm).

- Tăng dự toán thu bổ sung có mục tiêu trong năm số tiền: 77.155.747.179 đồng. Dự toán sau khi điều chỉnh là: 77.155.747.179 đồng.

**1.3** Tăng dự toán thu chuyển nguồn ngân sách huyện năm 2023 chuyển sang năm 2024 là 62.131.930.805 đồng (theo Thông tư số 342/2016/TT-BTC, ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính).

- Dự toán thu chuyển nguồn ngân sách cấp huyện: 58.673.706.268 đồng.

- Dự toán thu chuyển nguồn ngân sách cấp xã: 3.458.224.537 đồng.

**1.4** Tăng dự toán thu kết dư ngân sách huyện: 15.365.249.043 đồng.

- Kết dư của ngân sách cấp huyện: 12.704.287.218 đồng.

- Kết dư của ngân sách cấp xã: 2.660.961.825 đồng.

**2. Điều chỉnh tăng dự toán chi ngân sách huyện năm 2024: 154.652.927.027 đồng. Dự toán sau khi điều chỉnh: 636.682.927.027 đồng, trong đó:**

**2.1** Tăng dự toán chi ngân sách cấp huyện là: 138.197.640.665 đồng, dự toán sau điều chỉnh là: 558.385.640.665 đồng, bao gồm:

- Dự toán chi ngân sách huyện theo phân cấp là: 390.408.000.000 đồng (không bao gồm chi ngân sách cấp xã - theo dự toán chi đầu năm).

- Dự toán chi bổ sung có mục tiêu đầu năm là: 29.780.000.000 đồng.

- Tăng dự toán chi vốn bổ sung có mục tiêu trong năm là: 66.819.647.179 đồng. Dự toán chi sau khi điều chỉnh là: 66.819.647.179 đồng.

- Tăng dự toán chi chuyển nguồn ngân sách cấp huyện năm 2023 chuyển sang năm 2024 là 58.673.706.268 đồng (theo Thông tư số 342/2016/TT-BTC, ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính).

- Tăng dự toán chi kết dư ngân sách cấp huyện: 12.704.287.218 đồng.

**2.2** Điều chỉnh tăng dự toán chi ngân sách cấp xã: 16.455.286.362 đồng. Dự toán chi sau điều chỉnh: 78.297.286.362 đồng, trong đó:

- Chi ngân sách xã (theo dự toán đầu năm): 61.842.000.000 đồng

- Tăng dự toán chi chuyển nguồn ngân sách cấp xã năm 2023 chuyển sang năm 2024 là 3.458.224.537 đồng (theo Thông tư số 342/2016/TT-BTC, ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính)

- Tăng dự toán chi kết dư ngân sách cấp xã: 2.660.961.825 đồng.

- Tăng chi từ nguồn bổ sung mục tiêu ngân sách huyện cho ngân sách cấp xã (từ nguồn mục tiêu ngân sách tỉnh): 10.336.100.000 đồng.

Ngoài ra, trong điều hành ngân sách 6 tháng cuối năm 2024, trường hợp có phát sinh nguồn hoặc được bổ sung vốn cho những nhiệm vụ cụ thể (không thuộc nhiệm vụ thu, chi đã điều chỉnh tại Tờ trình này) đề nghị Hội đồng Nhân dân huyện giao cho Ủy ban Nhân dân huyện quyết định phân bổ, sử dụng đúng nhiệm vụ, mục tiêu của nguồn phát sinh và báo cáo Hội đồng Nhân dân huyện trong kỳ họp cuối năm 2024.

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

Trên đây là nội dung điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách huyện Thạnh Trị năm 2024 kính trình trước kỳ họp thứ 16, HĐND huyện khóa XII xem xét, quyết định. /- *M. M. M.*

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- TT.HU, TT.HĐND;
- Đại biểu HĐND;
- Thành viên UBND;
- Phòng TC-KH;
- Lưu: VT, NC.



**Lê Thanh Chúc**

**PHỤ LỤC**

*(Kèm theo Tờ trình số 746/TTr-UBND, ngày 07 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban Nhân dân huyện Thạnh Trị)*

*Đơn vị: đồng*

STT	Nội dung	Dự toán đầu năm 2024	Dự toán điều chỉnh tăng (+), giảm (-)	Dự toán sau khi điều chỉnh	Ghi chú
A	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện (chỉ tiêu phần đầu HĐND huyện giao)	35.000.000.000	0	35.000.000.000	
	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện (chỉ tiêu tỉnh giao): trong đó thu ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp 32.350.000.000 đồng	32.350.000.000		32.350.000.000	
B	Dự toán thu ngân sách huyện	482.030.000.000	154.652.927.027	636.682.927.027	
I	Dự toán thu ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp	32.350.000.000	0	32.350.000.000	
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	449.680.000.000	77.155.747.179	526.835.747.179	
1	Thu bổ sung cân đối	419.900.000.000		419.900.000.000	
2	Thu bổ sung có mục tiêu đầu năm	29.780.000.000		29.780.000.000	
2.1	Từ nguồn cân đối NSDP				
2.2	Từ nguồn xổ số kiến thiết	29.780.000.000		29.780.000.000	
3	Thu bổ sung trong năm		77.155.747.179	77.155.747.179	
3.1	Bổ sung chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	0	36.970.000.000	36.970.000.000	
3.1.1	Kinh phí dự toán vốn ngân sách Trung ương (vốn sự nghiệp) năm 2024 thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới		2.588.000.000	2.588.000.000	
3.1.2	Kinh phí vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới		12.371.000.000	12.371.000.000	
3.1.3	Kinh phí vốn sự nghiệp ngân sách tỉnh năm 2024 (vốn đối ứng) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới		2.070.000.000	2.070.000.000	
3.1.4	Kinh phí vốn đầu tư phát triển ngân sách tỉnh (vốn đối ứng) năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới		19.941.000.000	19.941.000.000	

STT	Nội dung	Dự toán đầu năm 2024	Dự toán điều chỉnh tăng (+), giảm (-)	Dự toán sau khi điều chỉnh	Ghi chú
3.2	<b>Bổ sung chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số</b>	0	23.297.000.000	23.297.000.000	
3.2.1	Kinh phí (vốn sự nghiệp) thực hiện chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng		11.604.000.000	11.604.000.000	
3.2.2	Kinh phí vốn đầu tư phát triển ngân sách nhà nước năm 2024 thực hiện chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng		11.693.000.000	11.693.000.000	
3.3	<b>Bổ sung chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững</b>	0	6.512.000.000	6.512.000.000	
	Kinh phí (vốn sự nghiệp) thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững 2024 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng		6.512.000.000	6.512.000.000	
3.4	<b>Cộng bổ sung có mục tiêu</b>	0	10.376.747.179	10.376.747.179	
3.4.1	Kinh phí tổ chức các hoạt động thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán Giáp Thìn năm 2024		683.500.000	683.500.000	
3.4.2	Kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo NĐ 108/2014/NĐ-CP, NĐ 143/2020/NĐ-CP và NĐ số 29/2023/NĐ-CP đợt II năm 2023 (lần 2)		627.010.920	627.010.920	
3.4.3	Kinh phí khắc phục ô nhiễm môi trường tại các Bãi rác trên địa bàn huyện, thị xã		642.236.259	642.236.259	
3.4.4	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng năm 2024		133.000.000	133.000.000	
3.4.5	Kinh phí hỗ trợ sản phẩm, dịch vụ công ích thuỷ lợi năm 2024		5.700.000.000	5.700.000.000	
3.4.6	Kinh phí hỗ trợ nghi việc đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ấp, khóm		58.500.000	58.500.000	

STT	Nội dung	Dự toán đầu năm 2024	Dự toán điều chỉnh tăng (+), giảm (-)	Dự toán sau khi điều chỉnh	Ghi chú
3.4.7	Kinh phí nghiên cứu khoa học và công nghệ năm 2024		150.000.000	150.000.000	
3.4.8	Kinh phí tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ huyện Thạnh Trị		2.200.000.000	2.200.000.000	
3.4.9	Kinh phí hoạt động duy trì, cải tiến thường xuyên hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015		148.500.000	148.500.000	
3.4.10	Kinh phí cuộc thi sáng tạo thanh thiếu niên, nhi đồng tỉnh Sóc Trăng 2024		34.000.000	34.000.000	
<b>III</b>	<b>Thu chuyển nguồn ngân sách năm 2023 chuyển sang năm 2024</b>		<b>62.131.930.805</b>	<b>62.131.930.805</b>	
1	Chuyển nguồn ngân sách huyện		58.673.706.268	58.673.706.268	
2	Chuyển nguồn ngân sách xã		3.458.224.537	3.458.224.537	
<b>IV</b>	<b>Thu kết dư</b>		<b>15.365.249.043</b>	<b>15.365.249.043</b>	
1	Kết dư ngân sách huyện		12.704.287.218	12.704.287.218	
2	Kết dư ngân sách xã		2.660.961.825	2.660.961.825	
<b>C</b>	<b>Dự toán chi ngân sách huyện (bao gồm chi trợ cấp ngân sách xã)</b>	<b>482.030.000.000</b>	<b>154.652.927.027</b>	<b>636.682.927.027</b>	
<b>I</b>	<b>Dự toán chi ngân sách cấp huyện</b>	<b>420.188.000.000</b>	<b>138.197.640.665</b>	<b>558.385.640.665</b>	
<b>1</b>	<b>Chi ngân sách cấp huyện theo phân cấp (không bao gồm chi ngân sách xã)</b>	<b>390.408.000.000</b>		<b>390.408.000.000</b>	
1.1	Chi đầu tư phát triển	26.419.000.000		26.419.000.000	
1.2	Chi thường xuyên (bao gồm tiết kiệm 10% chi thường xuyên 4.466 triệu đồng)	356.283.000.000		356.283.000.000	
1.3	Chi dự phòng ngân sách	7.706.000.000		7.706.000.000	
<b>2</b>	<b>Chi bổ sung có mục tiêu đầu năm</b>	<b>29.780.000.000</b>		<b>29.780.000.000</b>	
2.1	Từ nguồn cân đối NSDP				
2.2	Từ nguồn xổ số kiến thiết	29.780.000.000		29.780.000.000	
2.3	Vốn bổ sung có mục tiêu của NSTW	0		0	
<b>3</b>	<b>Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu</b>		<b>66.819.647.179</b>	<b>66.819.647.179</b>	
	Trong đó				

STT	Nội dung	Dự toán đầu năm 2024	Dự toán điều chỉnh tăng (+), giảm (-)	Dự toán sau khi điều chỉnh	Ghi chú
<b>3.1</b>	<b>Bổ sung chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới</b>	<b>0</b>	<b>34.716.400.000</b>	<b>34.716.400.000</b>	
3.1.1	Kinh phí dự toán vốn ngân sách Trung ương (vốn sự nghiệp) năm 2024 thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới cấp huyện		534.400.000	534.400.000	
3.1.2	Kinh phí vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cấp huyện		12.371.000.000	12.371.000.000	
3.1.3	Kinh phí vốn sự nghiệp ngân sách tỉnh năm 2024 (vốn đối ứng) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cấp huyện		1.870.000.000	1.870.000.000	
3.1.4	Kinh phí vốn đầu tư phát triển ngân sách tỉnh (vốn đối ứng) năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng		19.941.000.000	19.941.000.000	
<b>3.2</b>	<b>Bổ sung chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số</b>		<b>18.540.000.000</b>	<b>18.540.000.000</b>	
3.2.1	Kinh phí (vốn sự nghiệp) thực hiện chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng		11.604.000.000	11.604.000.000	
3.2.2	Kinh phí vốn đầu tư phát triển ngân sách nhà nước năm 2024 thực hiện chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số cấp huyện		6.936.000.000	6.936.000.000	
<b>3.3</b>	<b>Bổ sung chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững</b>		<b>3.380.000.000</b>	<b>3.380.000.000</b>	
	Kinh phí (vốn sự nghiệp) thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững 2024 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng		3.380.000.000	3.380.000.000	
<b>3.4</b>	<b>Cộng bổ sung có mục tiêu</b>	<b>0</b>	<b>10.183.247.179</b>	<b>10.183.247.179</b>	
3.4.1	Kinh phí tổ chức các hoạt động thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán Giáp Thìn năm 2024		683.500.000	683.500.000	
3.4.2	Kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo NĐ 108/2014/NĐ-CP, NĐ 143/2020/NĐ-CP và NĐ số 29/2023/NĐ-CP đợt II năm 2023 (lần 2)		627.010.920	627.010.920	
3.4.3	Kinh phí khắc phục ô nhiễm môi trường tại các Bãi rác trên địa bàn huyện, thị xã		642.236.259	642.236.259	
3.4.4	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng năm 2024		133.000.000	133.000.000	
3.4.5	Kinh phí hỗ trợ sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2024		5.700.000.000	5.700.000.000	
3.4.6	Kinh phí nghiên cứu khoa học và công nghệ năm 2024		150.000.000	150.000.000	
3.4.7	Kinh phí tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ huyện Thạnh Trị		2.200.000.000	2.200.000.000	

STT	Nội dung	Dự toán đầu năm 2024	Dự toán điều chỉnh tăng (+), giảm (-)	Dự toán sau khi điều chỉnh	Ghi chú
3.4.8	Kinh phí hoạt động duy trì, cải tiến thường xuyên hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 cấp huyện		13.500.000	13.500.000	
3.4.9	Kinh phí cuộc thi sáng tạo thanh thiếu niên, nhi đồng tỉnh Sóc Trăng 2024		34.000.000	34.000.000	
4	<b>Chi chuyển nguồn ngân sách cấp huyện năm 2023 chuyển sang năm 2024 (bao gồm kinh phí tiết kiệm chi năm 2023)</b>		<b>58.673.706.268</b>	<b>58.673.706.268</b>	
5	<b>Chi kết dư ngân sách cấp huyện</b>		<b>12.704.287.218</b>	<b>12.704.287.218</b>	
	<b>Trong đó:</b>				
	Kinh phí chính sách an sinh xã hội (bao gồm nộp trả mục tiêu ngân sách tỉnh)		12.704.287.218	12.704.287.218	
<b>II</b>	<b>Chi ngân sách cấp xã</b>	<b>61.842.000.000</b>	<b>16.455.286.362</b>	<b>78.297.286.362</b>	
1	Chi ngân sách cấp xã	61.842.000.000		61.842.000.000	
2	Chi chuyển nguồn ngân sách xã		3.458.224.537	3.458.224.537	
3	Chi kết dư ngân sách xã		2.660.961.825	2.660.961.825	
4	Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách huyện cho ngân sách cấp xã (từ nguồn mục tiêu tỉnh)		10.336.100.000	10.336.100.000	
	<b>Trong đó:</b>				
-	Chi chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới		2.253.600.000	2.253.600.000	
-	Chi chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số năm 2022		4.757.000.000	4.757.000.000	
-	Chi chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững		3.132.000.000	3.132.000.000	
-	Kinh phí hỗ trợ nghỉ việc đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ấp, khóm		58.500.000	58.500.000	
-	Kinh phí hoạt động duy trì, cải tiến thường xuyên hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 cấp xã		135.000.000	135.000.000	